TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ BẾN TRE	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẾN TRE	

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2017

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn''

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Giàu

Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1983; nơi cư trú: 303 B khu phố B, phường Q, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn*: anh **Phạm Thái B**, sinh năm 1985; nơi cư trú: 386A ấp B, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh B kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6 thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10/2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B cờ bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác, anh chị đã nhiều lần

bàn bạc tìm biện pháp giải quyết nhưng không được. Hai anh chị đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Trước Tòa chị T xin được ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên Phạm Thái N, sinh ngày 06/10/2010. Cháu N đang sống với mẹ. Chị xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời anh B đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Về nội dung: việc chị T xin ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận, đề nghị chấp nhận việc chị T xin được nuôi con cũng như yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 19/4/2017 chị Ngọc T có đơn xin ly hôn, hiện anh chị đều sinh sống trên địa bàn thành phố Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải nhưng anh B không có mặt theo thông báo hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho anh B để tham gia phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B là phù hợp.

[3] Chị Nguyễn Ngọc T và anh Phạm Thái B kết hôn vào năm 2010 và đăng ký kết hôn tại UBND phường 6 thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, hôn nhân do cả hai tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10/2010 thì phát sinh mâu

thuẩn, nguyên nhân là do anh B cờ bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác, anh chị đã nhiều lần bàn bạc tìm biện pháp giải quyết nhưng không được. Hai anh chị đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Trước Tòa chị T xin được ly hôn. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó nghĩ nên chấp nhận việc yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: có 01 cháu tên Phạm Thái N, sinh ngày 06/10/2010. Cháu N đang sống với chị T, chị xin được nuôi con và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng theo qui định của pháp luật. Xét yêu cầu của chị là hợp lý, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ năm 2011 đến nay, chị đã làm tròn trách nhiệm của của người mẹ do đó tiếp tục giao chị nuôi dưỡng con chung. Việc tại Tòa chị yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con là đúng theo qui định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con của chị.

[5] Về tài sản chung: không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[7]*Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị T phải nộp. Anh Phạm Thái B phải chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56; 57; 81; 82; 83; 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Phạm Thái B.

- *Về con chung*: chị T được tiếp tục nuôi cháu Phạm Thái N, sinh ngày 06/10/2010.

Anh B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Không bên nào được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: không có

- *Về nợ chung*: Không có.

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Ngọc T phải nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010778 ngày 25/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Anh Phạm Thái B phải chịu án phí dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND phường 6 TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Duy Phong